

ĐỀ THI THAM KHẢO
(Đề thi có 04 trang)

Họ, tên thí sinh:.....

Mã đề thi: 071

Số báo danh:.....

I. PHẦN TRẮC NGHIỆM (3 điểm)

I.1. Đọc văn bản 1 và trả lời các câu hỏi 1 - 5:

VĂN BẢN 1
ĐÔI NÉT HÀ NỘI XƯA

Mỗi ngôi làng trong phố được xây dựng dọc theo một con phố hay một đoạn phố và bao gồm các tài sản ở hai bên phố. Các làng này lại phụ thuộc vào một hay nhiều làng cùng làm một nghề thủ công. Mỗi đầu phố đều có cổng, các cổng này đóng vào ban đêm. Mỗi làng đều có bộ máy hành chính riêng, có trường phố, đền chùa cũng như một ngôi đình riêng. Đình là kiến trúc thuần chất nông thôn, nhưng đã được chuyển ra phố, là nơi thờ các tổ nghề hoặc thành hoàng làng gốc.

Thợ thủ công và các thương nhân cùng làng quê gốc tập hợp thành các phường hội chuyên sản xuất hoặc bán một mặt hàng. Thợ kim hoàn xuất thân từ làng Châu Khê định cư tại phố Hàng Bạc ngày nay, thợ tiện gỗ ở làng Nhị Khê tập trung tại phố Tô Tịch... Tinh thần đoàn kết của người nông thôn được gìn giữ trong các “ngôi làng thành thị” này và họ vẫn luôn giữ mối liên hệ với làng quê gốc thông qua việc tuyển nhân công, cung ứng nguyên liệu, ghi tên vào gia phả của làng, mang tiền kiếm được về đầu tư lại ở làng, hàng năm tham gia vào các ngày hội làng...

Dưới thời Lý - Trần, một ngôi chợ được hình thành ngay gần cửa phía đông thành. Phía trước mặt là đền Bạch Mã. Bên phải là sông Tô Lịch và cây cầu Đông bắc ngang nơi hiện nay là phố Hàng Đường. Ngay từ thế kỉ XI, bốn ngôi chợ lớn đã họp theo phiên ở các cửa ô kinh thành để cung cấp các loại sản phẩm cho triều đình. Các thương nhân đến từ các làng xung quanh Hà Nội. Chợ quan trọng nhất trong số bốn chợ này là chợ Cửa Đông (sau này là khu phố buôn bán) và những thương nhân của chợ này dần dần đều đến định cư ở đây.

Trước đây bên cạnh hồ Hoàn Kiếm có một hồ nhỏ hơn gọi là hồ Thái Cực, thông nhau qua một con lạch đi qua quăng phố Cầu Gỗ ngày nay. Xuất xứ tên phố Cầu Gỗ chính từ chiếc cầu gỗ bắc qua lạch nước ấy. Chu vi hồ Thái Cực cũ nay thành: Cầu Gỗ, Hàng Đào, Hàng Bạc, Hàng Bè. Đất phố Đinh Liệt và Gia Ngư trước đây chính là lòng hồ Thái Cực. Khi thực dân Pháp chiếm đóng Hà Nội, hồ Thái Cực vẫn còn nhưng vào cuối thế kỉ XIX, hồ bị dân xung quanh lấp dần, khoảng năm 1920 thì hồ Thái Cực biến mất. Cái tên phố Gia Ngư bắt nguồn từ tên làng cá sống bằng nghề chài lưới bên hồ Thái Cực xưa.

(Theo Nguyễn Thành Phong, in trong *Phố cổ Hà Nội – Kí họa và hồi ức*, Nhiều tác giả, NXB Kim Đồng, Hà Nội, 2015, tr. 21-23)

Câu 1. Dãy liệt kê nào sau đây nêu đúng thông tin chính và trật tự trình bày thông tin trong văn bản?

- A. Phố, thợ thủ công, chợ, hồ.
- B. Chợ, thợ thủ công, hồ, làng.
- C. Thợ thủ công, phố, làng, hồ.
- D. Làng, thợ thủ công, chợ, hồ.

Câu 2. Cụm từ “ngôi làng thành thị” trong văn bản có nghĩa là gì?

- A. Làng quê chuyển từ trồng trọt, chăn nuôi sang phát triển nghề buôn bán.
- B. Làng quê được phát triển theo hướng đô thị hóa, tiếp nhận lối sống và văn minh phương Tây.

C. Làng được xây dựng trong phố Hà Nội xưa, giữ mối liên hệ với làng quê gốc và tinh thần đoàn kết của người nông thôn.

D. Làng quê không còn giữ được các nếp sống thuần phong mỹ tục do ảnh hưởng của văn hóa phương Tây.

Câu 3. Có thể đảo trật tự trình bày của đoạn văn thứ hai và đoạn văn thứ nhất với nhau được không? Vì sao?

A. Đảo được; Vì các thông tin trong đoạn văn thứ nhất độc lập với thông tin trong đoạn văn thứ hai.

B. Đảo được; Vì cách thức trình bày thông tin trong hai đoạn văn giống nhau.

C. Không đảo được; Vì thông tin trong đoạn văn thứ nhất là cơ sở để trình bày thông tin của đoạn văn thứ hai.

D. Không đảo được; Vì tác giả muốn nhấn mạnh nội dung thông tin ở đoạn văn thứ nhất.

Câu 4. Mục đích chính của tác giả bài viết này là gì?

A. Giới thiệu dự án bảo tồn Hà Nội xưa.

B. Giới thiệu các thông tin về Hà Nội xưa.

C. Đề nghị khôi phục vẻ đẹp Hà Nội xưa.

D. So sánh Hà Nội xưa và Hà Nội trong hiện tại.

Câu 5. Có câu văn nào trong văn bản bộc lộ trực tiếp cảm xúc của tác giả về Hà Nội xưa không? Vì sao?

A. Không; Vì văn bản cần hàm súc, cô đọng, thông tin mang tính khái quát cao.

B. Không; Vì văn bản cần đảm bảo tính khách quan của thông tin được giới thiệu.

C. Có; Vì văn bản cần thể hiện rõ thái độ của tác giả về các thông tin được trình bày.

D. Có; Vì văn bản cần khích lệ người đọc cùng chia sẻ cảm xúc về Hà Nội xưa.

I.2. Đọc văn bản 2 và trả lời các câu hỏi 6 - 10:

VĂN BẢN 2

(1)[...] Nói cách tân là nói đổi mới, tìm kiếm cái mới, làm ra cái mới. Cụ thể là sáng tạo ra những giá trị mới. Trong nghệ thuật, cách tân vẫn được hiểu theo hai lối. Theo lối dễ tính, thì cách tân là thuộc tính của sáng tạo. Chẳng có sáng tạo nào lại chẳng là một cách tân nào đấy. Hiểu theo lối này, người sáng tác cũ nhất cũng có thể yên chí rằng mình đang cách tân. Cảm giác yên chí như vậy, nếu là thành thực, thì chất chứa một nguy hiểm. Bởi nó chính là tiếng nói ngọt ngào của trì trệ, nó là sự thủ cựu trá hình. Khi chỉ thích tự ru vỗ mình bằng cách hiểu ấy, thì cuộc sáng tạo xem như đã an bài. Còn theo lối khó tính, thì cách tân là một xu hướng sáng tạo với khát khao tạo ra cái hoàn toàn mới. Theo cách này, thì chỉ có những đột phá táo bạo, những bút phá dũng mãnh, vượt khỏi rào cản của thói quen thẩm mỹ cũ, gieo những hạt giống mỹ cảm mới, khai sinh một hệ giá trị mới, thì mới được gọi là cách tân. Dĩ nhiên, cách tân được nói đến ở đây là thuộc dạng thứ hai này.

(2) Cách tân thường nảy sinh từ hai động cơ: dị ứng mạnh với cái cũ và khát khao tìm kiếm những giá trị mới. Thực ra, cái cũ nào cũng đã từng là cái mới. Nó đáp ứng những nhu cầu của cái thời nó nảy sinh và được cái thời ấy nâng niu. Nhưng thời ấy qua đi, nó dần dà thành cái cũ và bộc lộ những bất cập. Cái mới nảy sinh từ nguyện vọng muốn khắc phục những bất cập của cái cũ. Càng dị ứng với cái cũ bao nhiêu, khát khao ấy càng bức xúc bấy nhiêu. Bức xúc bùng nổ, nó có thể tạo ra một cuộc cách tân lớn lao và triệt để. Khi ấy, cách tân chính là cách mạng. Chắc chắn chúng ta đã không có lịch sử nghệ thuật nếu thiếu đi các cuộc cách mạng như vậy. Người cách tân chân chính là người dám dấn thân vào những cuộc phiêu lưu đầy mạo hiểm. Có thể trắng tay như không. Biết vậy, họ vẫn xả thân vì cái mới. Tiến bộ và phát triển trông chờ vào những người như thế. Họ đáng được kính trọng. Và chừng nào sự kính trọng ấy trở thành nền nếp của một cộng đồng, chừng ấy mới có tiến bộ và phát triển. Bởi, ngầm cho cùng, sự sống tích cực chính là sự sáng tạo. Cõi sống tiến hoá

là nhờ vào sức sáng tạo bền bỉ của muôn loài. Cõi người đi lên là nhờ vào sự sáng tạo của muôn người. Đó là quy luật không còn xa lạ. [...]

(Trích Chu Văn Sơn, *Cách tân: Đi tìm cái mới hay cái tôi?* in trong *Đa mang, một cõi lòng không yên định*, NXB Hội Nhà văn, tr. 223)

Câu 6. Vấn đề được nghị luận trong văn bản trên là gì?

- A. Cách tân và vai trò của cách tân.
- B. Cách tân và lí do phải cách tân.
- C. Cách tân và sự phát triển.
- D. Cách tân và người cách tân.

Câu 7. Theo quan điểm của tác giả, cách tân là gì?

- A. Là tạo ra sự khác biệt.
- B. Là khai sinh một hệ giá trị mới.
- C. Là thuộc tính của sáng tạo.
- D. Là khắc phục những bất cập của cái cũ.

Câu 8. Các thao tác nghị luận nào đã được sử dụng trong đoạn (1) của văn bản?

- A. Giải thích, phân tích, so sánh.
- B. Giải thích, phân tích, bác bỏ.
- C. Giải thích, chứng minh, so sánh.
- D. Giải thích, so sánh, bác bỏ.

Câu 9. Theo tác giả văn bản, vì sao người cách tân chân chính “có thể trắng tay như không”?

- A. Vì họ phiêu lưu, mạo hiểm.
- B. Vì họ nóng vội, dị ứng với cái cũ.
- C. Vì họ vấp phải sự chống trả của cái cũ.
- D. Vì họ ảo tưởng, xa rời thực tế.

Câu 10. Nhận định nào sau đây **không** thể hiện đúng mục đích của tác giả trong văn bản?

- A. Phản đối những cách tân thất bại.
- B. Phản ứng quyết liệt trước cái cũ.
- C. Cổ vũ cho những cách tân.
- D. Cổ vũ cho những người cách tân chân chính.

I.3. Đọc văn bản 3 và trả lời các câu hỏi 11 - 15:

VĂN BẢN 3
ANH HAI

- Ăn thêm cái nữa đi con!
- Ngán quá, con không ăn đâu!
- Ráng ăn thêm một cái, má thương. Ngoan đi cưng!
- Con nói là không ăn mà. Vứt đi! Vứt nó đi!

Thằng bé lắc đầu quày quật, gạt mạnh tay, chiếc bánh kem văng qua cửa xe rơi xuống đường, sát mép cống. Chiếc xe hơi láng bóng rờ máy chạy đi.

Hai đứa trẻ đang bới móc đồng rác gần đó, thấy chiếc bánh nằm chỏng chơ, xô đến nhặt. Mắt hai đứa sáng rực lên, dán chặt vào chiếc bánh thơm ngon. Thấy bánh lấm láp, đứa con gái nuốt nước miếng bảo thằng con trai:

- Anh Hai thôi sạch rồi mình ăn.

Thằng anh phùng má thổi. Bụi đời đã dính, chẳng chịu đi cho. Đứa em suốt ruột cũng ghé miệng thổi tiếp. Chính cái miệng háu đói của nó làm bánh rơi tòm xuống cái cống hôi hám, chìm hẳn.

- Ai biểu anh Hai thổi chi cho mạnh - Con bé nói rồi thút thít.

- Ừa. Tại anh! Nhưng kem còn dính tay nè. Cho em ba ngón, anh chỉ liếm hai ngón thôi!

(Lý Thanh Thảo, *Truyện hay cực ngắn*, NXB Phụ nữ, 2003, tr. 7)

Câu 11. Nội dung chủ yếu của văn bản là gì?

- A. Tác hại của việc cha mẹ chiều chuộng con quá mức.
- B. Sự không may mắn của hai đứa trẻ.
- C. Sự hồn nhiên, đáng yêu của trẻ em.
- D. Tình anh em trong nghịch cảnh.

Câu 12. Sự việc nào làm nổi bật nhất ý nghĩa nhan đề truyện?

- A. Đứa bé con nhà giàu từ chối ăn và làm rơi chiếc bánh.
- B. Hai đứa trẻ nhà nghèo nhặt chiếc bánh bị đánh rơi.
- C. Hai anh em chia nhau liếm các ngón tay còn dính bánh.
- D. Hai anh em làm rơi chiếc bánh vừa nhặt được.

Câu 13. Câu “*Bụi đời đã dính, chẳng chịu đi cho*” đặc sắc vì:

- A. Gọi không khí dân dã.
- B. Gọi nhiều tầng nghĩa.
- C. Mang bản sắc địa phương.
- D. Mang tính tả thực.

Câu 14. Truyện được tổ chức theo cách nào?

- A. Truyện lồng trong truyện.
- B. Đầu cuối tương ứng.
- C. Đối sánh, tương phản.
- D. Theo dòng tâm tưởng của nhân vật.

Câu 15. Câu nói của nhân vật người anh “*Nhưng kem còn dính tay nè. Cho em ba ngón, anh chỉ liếm hai ngón thôi*” có tác dụng gì trong việc thể hiện nội dung chính của truyện?

- A. Cụ thể tả sự hồn nhiên, nhanh trí của người anh.
- B. Cụ thể tả sự đói khát, nghèo khổ của hai đứa bé.
- C. Cụ thể tả những nghịch cảnh của đời sống.
- D. Cụ thể tả tình yêu thương, nhường nhịn và sự hồn nhiên của nhân vật.

II. PHẦN TỰ LUẬN (7 điểm)

Câu 16 (3 điểm). Viết đoạn văn trình bày cảm nhận của anh/chị về vẻ đẹp của hình tượng Sông Đà trong câu văn sau:

"Con Sông Đà tuôn dài tuôn dài như một áng tóc trữ tình, đầu tóc chân tóc ẩn hiện trong mây trời Tây Bắc bung nở hoa ban hoa gạo tháng hai và cuồn cuộn mù khói núi Mèo đốt nương xuân".

(Trích *Người lái đò Sông Đà* – Nguyễn Tuân, SGK Ngữ văn 12, tập một, NXB Giáo dục Việt Nam, 2007, tr. 191)

Câu 17 (4 điểm). Plato cho rằng: “*Chúng ta có thể dễ dàng tha thứ cho một đứa trẻ sợ bóng tối. Bi kịch thực sự của cuộc đời là khi một người lớn sợ ánh sáng.*”

Viết bài văn trình bày suy nghĩ của anh/chị về ý kiến trên.

-----HẾT-----